

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 – 9 – 2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Nguyễn Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Dương Thị T; Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 6241 ấp Khu X, xã T, huyện M, tỉnh S (Bà T vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Ông Thạch T; Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 105 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (Ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:

Bà với ông Thạch T tổ chức lễ cưới vào năm 2018 và cũng trong năm 2018, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 212 ngày 27 tháng 12 năm 2018.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở nhà cha mẹ ruột bà T ở số 6241 ấp Khu X, xã T, huyện M, tỉnh S. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã. Năm 2020, sau khi cãi nhau với bà T thì ông T đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột ông ở số 105 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S sinh sống cho đến nay. Từ khi không còn sống chung với nhau, ông T cũng không hề gặp bà T để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, bà T với ông T có một con chung là Thạch Chí T, sinh ngày 20/8/2018 đang sống với ông T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Dương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Thạch T.
- Về con chung: Bà T đồng ý cho ông Thạch T được trực tiếp nuôi con và bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch T không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 131/TB-TLVA ngày 30 tháng 5 năm 2022, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Thạch T nhưng ông Thạch T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Thạch T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Thạch T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị T ly hôn với ông Thạch T. Về con chung: Giao con chung cho ông Thạch T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Dương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Dương Thị T và ông Thạch T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông T mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà T và ông T.

[2] Về nội dung: Bà Dương Thị T và ông Thạch T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Thù, huyện M, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 212 ngày 27 tháng 12 năm 2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp. Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T, đồng ý để ông T được nuôi cháu Thạch Chí T và bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét lý do xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Dương Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Thạch T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Thạch Chí T, sinh ngày 20/8/2018 hiện đang sống với ông Thạch T. Bà T đồng ý để ông Thạch T được tiếp tục nuôi cháu T. Xét thấy, từ khi bà T và ông T không còn sống chung thì cháu T sống chung với ông T, do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu T cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn và chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị T.
 - Về hôn nhân: Bà Dương Thị T được quyền ly hôn với ông Thạch T.
 - Về con chung: Giao cháu Thạch Chí T, sinh ngày 20/8/2018 cho ông Thạch T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Dương Thị T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Thạch T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Dương Thị T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
 - Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Chí T mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu Thạch Chí T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2022. Ông Thạch T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng.
- Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
 - Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Bà Dương Thị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002116 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy, bà Dương Thị T phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã Thù, huyện M, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân